

Số: 217/QĐ-VKS

Hải Hậu, ngày 16 tháng 03 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu

Căn cứ Luật tổ chức Kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;


Căn cứ Thông báo số 07/TB-VKS ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về việc xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phụ trách kế toán Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Viện KSND tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, KT.

  
  
**Phạm Quốc Hương**

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
 Đơn vị: Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Hải Hậu  
 Chương: 004



## QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 217/QĐ- VKS ngày 16/03/2023 của Viện trưởng VKSND huyện Hải Hậu)  
 (Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>			
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>			
<b>2</b>	<b>Phí</b>			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>			
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>			
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>			
<b>2</b>	<b>Phí</b>			
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	2.216.600.000	2.216.600.000	0
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	2.216.600.000	2.216.600.000	0
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	2.216.600.000	2.216.600.000	0
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.204.600.000	2.204.600.000	0
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.000.000	12.000.000	0
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

**Đơn vị: Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Hải Hậu**  
**Chương: 004**

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>			
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
III	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>			
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			



Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
Đơn vị: Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Hải Hậu  
Chương: 760

## QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 217/QĐ- VKS ngày 16/03/2023 của Viện trưởng Viện KSND huyện Hải Hậu)  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	70.000.000	70.000.000	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	70.000.000	70.000.000	0
1	Chi quản lý hành chính	70.000.000	70.000.000	0
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	70.000.000	70.000.000	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

**Đơn vị: Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Hải Hậu**  
**Chương: 760**

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			